**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG CHO VAY**

Số: {contract\_number}

Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ hồ sơ vay vốn của khách hàng và kết quả thẩm định của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (Ngân hàng Hợp tác) Chi nhánh {branch\_province};

Hôm nay, ngày {ctd} tháng {ctm} năm {cty} tại trụ sở Ngân hàng Hợp tác Chi nhánh {branch\_province}, gồm có:

**BÊN CHO VAY (được gọi tắt là Bên A)**:

- Ngân hàng Hợp tác Chi nhánh {branch\_province}

- Địa chỉ: {branch\_address}

- Điện thoại: {branch\_phone} Fax: (0297) 3942049

- Người đại diện {branch\_gender\_name} {bank\_representative\_name}, Chức vụ: {bank\_representative\_id\_position}

- Người được ủy quyền … ………., Chức vụ: ……….

- Giấy uỷ quyền số: …..… ngày …..….; của Giám đốc Ngân hàng Hợp tác Chi nhánh {branch\_province}.

**BÊN ĐI VAY (được gọi tắt là Bên B)**:

- Tên khách hàng vay vốn: {individual\_fullname}, năm sinh: {birth\_date}

- Nơi thường tru: {origin\_address}

*Mẫu số: 03/CBCNV*

- Hiện đang công tác tại: {affiliate\_unit\_name}

- Điện thoại: {phone\_number}

- CCCD số: {id\_number} do {id\_issued\_by} cấp ngày {id\_issued\_date}

Hai bên thống nhất việc Bên A cho Bên B vay tiền theo nội dung thoả thuận dưới đây:

**ĐIỀU 1**. **Số tiền, thời hạn, mục đích sử dụng tiền vay, đồng tiền cho vay và trả nợ**

1. Số tiền cho vay: {loan\_money}đồng. ({loan\_money\_text})

2. Mục đích sử dụng tiền vay: {loan\_purpose}

3. Đồng tiền cho vay, đồng tiền trả nợ: bằng đồng Việt Nam (VND).

4. Phương thức cho vay: Từng lần.

5. Thời hạn cho vay: {month\_count} tháng (Từ {start\_date} đến ngày {end\_date}).

6. Thời hạn giải ngân: không quá 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng cho vay.

**ĐIỀU 2**. **Lãi suất cho vay và các loại phí**

1. **Lãi suất cho vay**:

a) Mức lãi suất cho vay: {interest\_rate}%/năm.

Bên A và Bên B áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh.

Kỳ điều chỉnh lãi suất được ấn định vào ngày 15 tháng đầu tiên hàng quý. Nếu kỳ điều chỉnh lãi suất trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, Tết thì kỳ điều chỉnh lãi suất được thực hiện vào ngày làm việc kế tiếp.)

- Trường hợp do lãi suất thị trường có biến động, Bên A điều chỉnh lãi suất đột xuất phù hợp với lãi suất thị trường và quy định của pháp luật.

- Lãi suất điều chỉnh được xác định theo lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm điều chỉnh và được niêm yết công khai tại Ngân hàng Hợp tác nơi cho vay.

- Trường hợp điều chỉnh lãi suất cho vay, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản/Email/fax/tin nhắn điện thoại/Mobile banking cho Bên B về mức lãi suất cho vay có điều chỉnh áp dụng cho kỳ tiếp theo.

Đối với phương thức thông báo bằng Email/fax/tin nhắn điện thoại/Mobile banking, Bên A thông báo đến địa chỉ Email/fax/tin nhắn điện thoại/Mobile banking theo thông tin kê khai tại Hợp đồng này hoặc theo thông tin ghi nhận tại các dịch vụ mà Bên B đăng ký sử dụng với bên A. Bên B phải có trách nhiệm thông báo cho Bên A ngay khi có thay đổi (bằng văn bản/ Email/fax/tin nhắn điện thoại/Mobile banking đã kê khai/đăng ký).

Bên A và Bên B thống nhất việc gửi theo phương thức Email/fax/tin nhắn điện thoại/Mobile banking được xem là hoàn thành khi hệ thống/thiết bị từ Bên A báo đã gửi thành công.

b) Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn: Trong trường hợp Bên B không trả được nợ đúng hạn mà không có thoả thuận nào khác với Bên A hoặc Bên B không trả được nợ trước hạn khi Bên A chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, thì Bên B phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

c) Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: Trường hợp Bên B không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng từ ngày thứ 11 trở đi, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

d) Phương pháp tính lãi: Tiền lãi của khoản vay được tính trên cơ sở lãi suất cho vay, số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế đó. Lãi suất cho vay tính theo tỷ lệ %/năm, được xác định trên cơ sở một năm có 365 ngày.

2. **Phí liên quan đến khoản vay**:

a) Phí trả nợ trước hạn: Miễn phí.

b) Phí cam kết rút vốn: Miễn phí.

**ĐIỀU 3**. **Giải ngân vốn vay và việc sử dụng phương tiện thanh toán để giải ngân vốn vay**

1. Giải ngân vốn cho vay:

Bên A chỉ giải ngân khoản vay khi Bên B đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Sử dụng vốn vay vào mục đích quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.

b) Còn trong thời hạn giải ngân cho vay của Hợp đồng này.

2. Phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay: Bên A và Bên B thỏa thuận cụ thể bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc các phương tiện thanh toán khác.

**ĐIỀU 4**. **Trả nợ gốc, lãi tiền vay; trả nợ trước hạn**

1. Trả nợ gốc: Số tiền cho vay được trả thành {period\_count} kỳ. Bên B trả nợ gốc vào ngày 25 của mỗi tháng, {contract\_extra\_data}kỳ hạn trả và số tiền trả nợ mỗi kỳ như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày, tháng, năm | Số tiền trả nợ |
| Kỳ trả nợ đầu tiên: ngày {first\_pay\_date} | Mỗi kỳ: {paid\_period}đ |
| Kỳ trả nợ cuối cùng: ngày {end\_date} | Kỳ cuối cùng : {last\_paid\_period}đ |

2. Trả lãi tiền vay: Trả cùng với nợ gốc.

3. Thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay:

- Đối với khoản nợ vay trong hạn: Thu lãi trước, thu nợ gốc sau;

- Đối với khoản nợ vay bị quá hạn: Thu nợ gốc trước, thu nợ lãi sau. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, Ngân hàng Hợp tác thực hiện thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.

4. Trả nợ trước hạn: Bên B được trả nợ trước hạn, bao gồm nợ gốc và lãi tiền vay. Khi trả nợ trước hạn, Bên B phải trả phí trả nợ trước hạn (nếu có) theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Hợp đồng này.

**ĐIỀU 5**. **Cơ cấu lại thời hạn trả nợ**

1. Trường hợp Bên B không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Bên A đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Bên A xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của Bên B; thời hạn cho vay không thay đổi.

2. Trường hợp Bên B không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thoả thuận và được Bên A đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Bên A xem xét cho gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của Bên B.

3. Bên B phải gửi hồ sơ đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Bên A trước 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận.

**ĐIỀU 6**. **Chuyển nợ quá hạn**

Bên A chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên B không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được Bên A chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ quy định tại Điều 5 Hợp đồng này; đồng thời thông báo cho Bên B về việc chuyển nợ quá hạn.

**ĐIỀU 7**. **Trách nhiệm của Bên B trong việc phối hợp với Bên A và cung cấp tài liệu liên quan đến khoản vay**.

Bên B có trách nhiệm phối hợp và cung cấp cho Bên A các thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay để Bên A thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ theo yêu cầu của Bên A phù hợp với quy định của pháp luật. Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các tài liệu gửi cho Bên A.

**ĐIỀU 8**. **Các trường hợp chấm dứt cho vay, thu nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn**

1. Bên A có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện Bên B:

a) Cung cấp thông tin sai sự thật;

b) Vi phạm quy định trong Hợp đồng này;

c) Bị khởi tố bị can, bị tạm giam, tạm giữ, bị buộc thi hành án và/hoặc khi có bất kỳ tài liệu, thông tin nào mà theo đánh giá của Bên A có khả năng dẫn đến thay đổi bất lợi, làm suy giảm khả năng trả nợ của Bên B.

2. Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo khoản 1 Điều này, Bên A phải thông báo cho Bên B về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

3. Trong trường hợp Bên B bị chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn mà Bên B không trả được nợ theo thông báo của Bên A, thì Bên A sẽ chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc phải trả trước hạn còn phải trả của Bên B.

**ĐIỀU 9**. **Xử lý nợ vay**

1. Trường hợp Bên B không trả được nợ đến hạn, thì Bên A có quyền áp dụng một hoặc các biện pháp thu hồi nợ sau đây:

a) Huỷ bỏ, chấm dứt việc giải ngân;

b) Tự động trích tài khoản tiền gửi của Bên B để thu nợ;

c) Trường hợp Bên B không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng này thì Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của Ngân hàng Hợp tác theo đúng cam kết trên Phương án sử dụng vốn và cam kết trả nợ đã ký.

d) Xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm nào theo bất kỳ phương thức hoặc trình tự nào phù hợp với thoả thuận tại Hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật khác liên quan;

đ) Thực hiện bất kỳ thủ tục pháp lý nào để yêu cầu Bên B thực hiện nghĩa vụ.

2. Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Bên A, thì Bên B có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Bên A.

**ĐIỀU 10**. **Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại**

Bên A và Bên B thoả thuận không áp dụng việc phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

**ĐIỀU 11**. **Bảo đảm tiền vay**

Bằng thu nhập từ tiền lương, trợ cấp và các khoản thu nhập khác. Trường hợp Bên B không thực hiện đúng theo các điều khoản trong hợp đồng cho vay này thì Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm tài sản theo yêu cầu của Bên A.

**ĐIỀU 12**. **Quyền và trách nhiệm của Bên A**

1. **Quyền của Bên A**

a) Yêu cầu Bên B cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các tài liệu, thông tin liên quan khoản vay.

b) Từ chối cho vay khi Bên B không đáp ứng được các điều kiện cho vay theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Hợp tác tại thời điểm cho vay.

c) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên B.

d) Xử lý nợ vay theo quy định tại Điều 9 Hợp đồng này.

đ) Được lưu trữ và sử dụng các thông tin về Bên B và khoản vay tại Hợp đồng cho vay và các văn bản, tài liệu khác có liên quan để sử dụng vào các mục phù hợp quy định của pháp luật.

2. **Trách nhiệm của Bên A**

a) Thực hiện đúng các thoả thuận trong Hợp đồng này.

b) Lưu giữ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 13**. **Quyền và trách nhiệm của Bên B**

1. **Quyền của Bên B**.

a) Từ chối các yêu cầu của Bên A không đúng với các thoả thuận trong Hợp đồng này.

b) Khiếu nại, khởi kiện Bên A vi phạm hợp đồng này theo quy định của pháp luật.

2. **Trách nhiệm của Bên B**

a) Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung đã thoả thuận trong Hợp đồng này và các cam kết khác có liên quan.

b) Trả nợ gốc, lãi tiền vay và các loại phí đầy đủ và đúng hạn theo thoả thuận tại Hợp đồng này.

c) Mua bảo hiểm người vay vốn với số tiền bảo hiểm tối thiểu bằng số tiền vay vốn và thời hạn bảo hiểm tối thiểu bằng thời gian vay vốn hoặc được duy trì trong suốt thời gian vay vốn của Hợp đồng cho vay. Số tiền bảo hiểm trong trường hợp phát sinh rủi ro sẽ được chuyển cho Bên A để trả nợ vay theo Hợp đồng này.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng các thoả thuận về trả nợ vay, về các nghĩa vụ bảo đảm nợ vay và các nội dung khác đã cam kết trong Hợp đồng này.

**ĐIỀU 14**. **Sửa đổi, bổ sung, chuyển nhượng Hợp đồng cho vay**

1. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng này phải được hai bên thỏa thuận, ký kết bằng văn bản; văn bản thỏa thuận này là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này.

2. Hợp đồng cho vay này chỉ được chuyển nhượng khi có sự đồng ý của Bên A; trình tự, thủ tục chuyển nhượng Hợp đồng cho vay thực hiện theo quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 15**. **Điều khoản chung**

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng này, những nội dung khác theo quy định của pháp luật không ghi trong Hợp đồng này, hai bên tôn trọng thực hiện.

2. Trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên tự giải quyết bằng thương lượng. Nếu không thương lượng được thì sẽ chuyển vụ việc tới cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật để giải quyết.

**ĐIỀU 16**. **Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên B thanh toán cho Bên A đầy đủ gốc và lãi tiền vay hoặc thay thế bằng hợp đồng cho vay khác.

2. Các văn bản, tài liệu liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng này.

3. Hợp đồng này được thanh lý khi Bên B trả hết nợ gốc, lãi, phí (nếu có) cho bên A.

4. Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN B** | **BÊN A** |